

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VN MEP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VN MEP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VN MEP TECHNOLOGICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VN MEP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110619233

**3. Ngày thành lập:** 31/01/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 10, tòa Suced Tower, số 108 đường Nguyễn Hoàng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7100 8666

Fax:

Email: [congyvnmepeg@gmail.com](mailto:congyvnmepeg@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                            | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                   | 4329        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                   | 4610        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Buôn bán văn phòng phẩm                                                                                                          | 4649        |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                              | 4651        |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                               | 4652        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                           | 4653        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                  | 4659        |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng                                                                                  | 4663(Chính) |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy chữa cháy.                                                    | 4669        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                              | 8299        |
| 12. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán) | 6619        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật; thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy; tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy | 7110 |
| 14. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (Chủ yếu là sản phẩm điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng, thiết bị văn phòng);                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 15. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2591 |
| 16. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2592 |
| 17. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2593 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                     | 2599 |
| 19. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2610 |
| 20. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2790 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933 |
| 22. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3312 |
| 23. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3313 |
| 24. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3314 |
| 25. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3319 |
| 26. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3320 |
| 27. | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá                                                                                                                                                                                                                                                     | 3530 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                                    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | PHẠM<br>QUANG NAM | Căn hộ 2019, Tòa<br>CT1A DA khu<br>nhà ở Hateco 6,<br>TDP 2 Tu Hoàng,<br>Phường Phương<br>Canh, Quận Nam<br>Tứ Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 210.000       | 2.100.000.000            | 70,000       | 0190860022<br>23                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Tổng số                            | 210.000       | 2.100.000.000            | 70,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐỖ ĐÌNH<br>ĐỨC    | Số 6 ngách 90,<br>ngõ 1194 Đường<br>Láng, Phường<br>Láng Thượng,<br>Quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000        | 600.000.000              | 20,000       | 0330950023<br>30                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       | Tổng số                            | 60.000        | 600.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                        |                                                                                                                               |                           |        |             |        |              |
|---|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG | Căn hộ 1603, Tòa CT1A DA khu nhà ở Hateco 6, TDP 2 Tu Hoàng, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 | 019182000166 |
|   |                        |                                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                        |                                                                                                                               | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 |              |
|   |                        |                                                                                                                               |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: PHAM QUANG NAM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 15/10/1986

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019086002223

Ngày cấp: 12/01/2024

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ 2019, Tòa CT1A DA khu nhà ở Hateco 6, TDP 2 Tu Hoàng, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 2019, Tòa CT1A DA khu nhà ở Hateco 6, TDP 2 Tu Hoàng,  
Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội